

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 5 – 2025

V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Hồng Châu
- Ông Nguyễn Đăng Lân

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên toà:** Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Viết Đ, sinh năm 1963 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1966 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Lê Viết Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ năm từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 4 năm 1995, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ tháng 5 năm 1995, ông Đ

đã đi khỏi nhà và chuyển về huyện C, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay. Nay không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố ông Đ và bà L không là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà L có hai con chung là cháu Lê Minh C, sinh năm 1992 và Lê Hồng Q, sinh năm 1994. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L đồng ý toàn bộ lời trình bày của ông Đ và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm Phán: Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng thời hạn xét xử.

- Đối với Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Lê Viết Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lê Viết Đ và bà Trần Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà L có với nhau hai con chung là cháu Lê Minh C, sinh năm 1992 và Lê Hồng Q, sinh năm 1994. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên ông Đ và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Lê Viết Đ khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị L nên quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Viết Đ và bà Trần Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 4 năm 1995, nhưng ông Đ và bà L không đăng ký kết hôn vì ông Đ đã đăng ký kết hôn với bà Lê Thị N vào năm 1984. Việc ông Đ và bà L chung sống với nhau là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 01 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*. Vì vậy, ông Lê Viết Đ đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Trần Thị L là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà L có với nhau hai con chung là cháu Lê Minh C, sinh năm 1992 và Lê Hồng Q, sinh năm 1994. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, ông Đ và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Viết Đ và bà Trần Thị L không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do ông Lê Viết Đ thuộc đối tượng người cao tuổi không phải nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điều đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Viết Đ và bà Trần Thị L là vợ chồng.

Về án phí: Ông Lê Viết Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thị hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã EaKpam, huyện CưM'gar;
- UBND Hòa Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu